

Bài báo nghiên cứu

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH XÉT NGHIỆM TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH THÔNG QUA PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN

Trịnh Thị Ngọc Ái, Trần Hữu Tâm, Nguyễn Thị Ngọc Lâm, Đinh Đức Triết*

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Trịnh Thị Ngọc Ái – Email: trinhthingocai@gmail.com*

Ngày nhận bài: 18-5-2023; ngày nhận bài sửa: 08-7-2023; ngày duyệt đăng: 09-7-2024

TÓM TẮT

Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của sinh viên (SV) về hoạt động giảng dạy của giảng viên (GV) và chất lượng phục vụ nhà trường là một trong những bước cần thiết giúp Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch (ĐHYK PNT) có cái nhìn tổng quát và khách quan, từ đó từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo. Nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu dựa vào bảng khảo sát ở các nội dung: Thông tin môn học và tài liệu giảng dạy; Phương pháp giảng dạy của GV; Nội dung giảng dạy; Kiểm tra đánh giá; Tác phong sư phạm; Điều kiện hỗ trợ học tập; Chương trình đào tạo. Khảo sát 141 SV ngành Xét nghiệm cho thấy: Điểm đánh giá trung bình của SV về chất lượng đào tạo đều rất cao. Nội dung được SV đánh giá điểm cao nhất là “Tác phong sư phạm” đặc biệt là “GV có kiến thức chuyên môn tốt”. Trong khi đó, nội dung “Chương trình đào tạo”, cụ thể là “Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV” có điểm đánh giá thấp nhất. SV các năm đánh giá chất lượng đào tạo có tính tương đồng với nhau; trong đó, SV năm 1 luôn đánh giá điểm thấp nhất ở tất cả các thành phần của chất lượng đào tạo.

Từ khóa: ngành Xét nghiệm; Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; chất lượng đào tạo

1. Đặt vấn đề

Với triết lý “Lấy người học làm trung tâm”, thì công tác khảo sát ý kiến phản hồi của SV là bước không thể thiếu, là thước đo cần thiết để đánh giá chất lượng đào tạo (CLĐT) của một cơ sở giáo dục. Trên thế giới, công tác này đã được thực hiện từ rất lâu. Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, việc lấy ý kiến phản hồi của SV đã bắt đầu thực hiện trên tất cả các trường đại học; ban đầu chủ yếu ở các trường tư thục và hiện nay đã được thực hiện tại các trường đại học công lập (Dau et al., 2020).

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có công văn hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, đã đưa hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan (trong đó có

Cite this article as: Trinh Thi Ngoc Ai, Tran Huu Tam, Nguyen Thi Ngoc Lam, & Dinh Duc Triet (2024). Quality of medical laboratory technology program of Pham Ngoc Thach University of Medicine: Students' perspectives. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(7), 1309-1319

SV) vào trong Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học cũng như quy định về Chuẩn chương trình đào tạo (CTĐT). Điều đó cho thấy tầm quan trọng của việc lấy ý kiến phản hồi của SV về GV và nhà trường với công tác chuẩn hóa và kiểm định CLĐT ở trường đại học (Ministry of Education and Training, 2010).

Không đứng ngoài định hướng đó, Trường ĐHYK PNT cũng đã tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của SV các ngành học, trong đó có ngành Xét nghiệm. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trên 141 SV ngành Xét nghiệm về CLĐT qua các nội dung: thông tin môn học và tài liệu giảng dạy, phương pháp giảng dạy của GV, nội dung giảng dạy, kiểm tra đánh giá, tác phong sư phạm, điều kiện hỗ trợ học tập, CTĐT. Dựa trên các phản hồi từ các nội dung này, sau khi phân tích, nhóm nghiên cứu xác định thực trạng hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng phục vụ nhà trường. Từ kết quả đó, Trường biết rõ hơn về nhu cầu thực tế của SV cũng như mức độ đáp ứng hiện tại của nhà trường, đồng thời, Trường sẽ có kế hoạch đề xuất các biện pháp điều chỉnh thích hợp, từ đó nâng cao CLĐT, đáp ứng nhu cầu chất lượng học tập ngày càng cao của SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số cơ sở pháp lý và thực tiễn

Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010) về Hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, mục đích của lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV là (1) Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học; xây dựng đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại, (2) Tạo thêm kênh thông tin giúp GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy; nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục đại học và (3) Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân; tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV. (Ministry of Education and Training, 2010)

Trong một nghiên cứu của Terry D Buss về đánh giá của SV về chương trình giảng dạy và sự phát triển của GV thì lấy ý kiến phản hồi của SV để đánh giá GV không chỉ có giá trị đóng góp cho sự phát triển tốt của từng GV, giúp cải tiến CTĐT mà còn tăng thêm sự tham gia, gắn kết của SV với trường học và tạo động lực học tích cực đối với SV. Ông kết luận: “Không một GV nào có quyền chọn lựa rằng mình có cho SV đánh giá về mình hay không. Nhưng họ chỉ có một lựa chọn duy nhất là họ sẽ được SV của họ đánh giá về họ như thế nào rồi sau đó tận dụng các phản hồi này để cải tiến mình như thế nào” (Buss, 1976, p.23).

Theo nghiên cứu của Bộ Giáo dục Mỹ năm 1991, dựa trên khảo sát của 40000 GV đại học thì 97% cho rằng cần sử dụng phản hồi của SV để kiểm tra công tác hoạt động giảng dạy. Gibbs (1995) cũng kết luận rằng lấy ý kiến phản hồi của người học đang ngày càng được sử dụng nhiều ở Anh. Ramsden cũng đưa ra kết luận tương tự trong báo cáo của một nghiên cứu ở Australia năm 1993 (Marincovic, 1999).

Nghiên cứu của Phạm Thị Liên (2016) về phản hồi của SV về 4 thành phần chất lượng dịch vụ (CTĐT; Cơ sở vật chất; GV; Khả năng phục vụ), cho thấy các giá trị trung bình (TB) của từng biến số đều nằm trong khoảng từ 3 đến 4. Các yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của SV theo thứ tự giảm dần là: CTĐT; Khả năng phục vụ; GV và Cơ sở vật chất.

Nghiên cứu thực hiện ở Đại học Quốc gia Hà Nội về tác động của ý kiến phản hồi của SV đến quản lý đào tạo đại học thông qua 5 nội dung (Mục tiêu học tập; Hoạt động học tập của SV; Hoạt động giảng dạy của GV; CTĐT; Hoạt động hỗ trợ học tập) cho thấy ý kiến phản hồi của SV có tác động nhiều nhất đến Hoạt động hỗ trợ học tập, tiếp theo là Hoạt động học tập của SV; Hoạt động giảng dạy của GV, Mục tiêu học tập và cuối cùng là CTĐT (Vuong, 2018).

Trong nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của SV với hoạt động giảng dạy của GV ở Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng thông qua 4 nội dung (Cung cấp thông tin môn học; Năng lực GV; Nội dung giảng dạy; Phương pháp giảng dạy) cho thấy SV hài lòng với tổng thể hoạt động giảng dạy của GV ($3,35 \pm 0,54$); trong đó, phẩm chất, năng lực của GV được SV đánh giá là hài lòng cao nhất với ĐTB là 3,37, ĐLC 0,54 (Nguyen, 2022).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV qua 7 nội dung; trong đó, 5 nội dung (Thông tin môn học và tài liệu giảng dạy; Phương pháp giảng dạy của GV; Nội dung giảng dạy; Điều kiện hỗ trợ học tập; CTĐT) là dựa trên những nghiên cứu trước đó của của Phạm Thị Liên (2016), Vương Thị Phương Thảo (2018) và Nguyễn Bích Như (2022). Ngoài ra, nghiên cứu tại Trường ĐHYK PNT có bổ sung thêm 2 nội dung (Kiểm tra đánh giá; Tác phong sư phạm) do đặc trưng nghề nghiệp ngành Y nói chung và ngành Xét nghiệm nói riêng.

2.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang này thực hiện việc khảo sát ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo của 4 lớp Cử nhân Xét nghiệm Y học (CNXNYH) gồm CNXNYH năm thứ nhất (K2021-SV năm 1), CNXNYH năm thứ hai (K2020-SV năm 2), CNXNYH năm thứ ba (K2019-SV năm 3) và CNXNYH năm thứ tư (K2018-SV năm 4), Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học, Trường ĐHYK PNT thông qua 7 nội dung (Thông tin môn học và tài liệu giảng dạy; Phương pháp giảng dạy của GV; Nội dung giảng dạy; Kiểm tra đánh giá; Tác phong sư phạm; Điều kiện hỗ trợ học tập; CTĐT) thông qua công cụ là bảng câu hỏi khảo sát. Trong phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu đã thông tin đến đáp viên về mục đích, yêu cầu và cách trả lời nghiên cứu, cũng như tính bảo mật của câu hỏi. Bảng câu hỏi được soạn thảo bằng công cụ Google forms và được gửi đường dẫn (link) đến 4 lớp CNXNYH thông qua hộp thư điện tử và thông tin trực tiếp từ giáo viên chủ nhiệm của mỗi lớp. Tổng cộng có 141 SV đã tham gia trả lời bảng khảo sát.

Nghiên cứu này đã sử dụng thang đo Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý (đáp ứng <40%) - tương ứng với 1 điểm, (2) Không đồng ý (đáp ứng từ 40 - 49%) - tương ứng với 2 điểm, (3) Không ý kiến (đáp ứng từ 50 - 64%) - tương ứng với 3 điểm, (4) Đồng

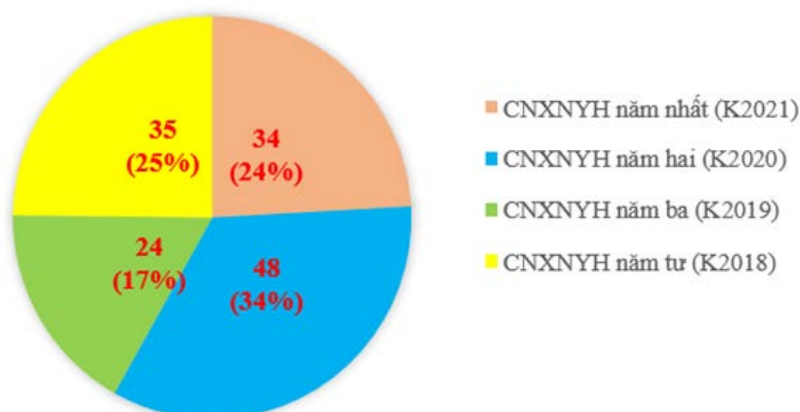
ý (đáp ứng từ 65-79%) - tương ứng với 4 điểm, (5) Hoàn toàn đồng ý (đáp ứng $\geq 80\%$) - tương ứng với 5 điểm. Điểm đánh giá là cao khi đạt trên mức 3 và rất cao khi đạt trên mức 4 của thang điểm 5.

Phương pháp phân tích, thống kê được sử dụng bằng phần mềm Stata, phiên bản 15. Phân tích mô tả với các chỉ số thống kê như tần số (N), tỉ lệ (%), điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) đối với các phản hồi của SV ngành Xét nghiệm về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng phục vụ của Trường ĐHYK PNT.

2.3. Kết quả

Sau khi gửi bảng khảo sát, có 141/141 bảng trả lời đầy đủ và hợp lệ được thu về, thành phần tham gia khảo sát được chia theo khóa học có kết quả như Biểu đồ 1. Biểu đồ 1 cho thấy các SV tham gia khảo sát phân bố khá đồng đều ở các khóa học, trong đó đối tượng phản hồi nhiều nhất là SV năm 2 (K2020) chiếm 34,04%, ít nhất là SV năm 3 (K2019) chiếm 17,02%.

Biểu đồ 1. Phân bố đối tượng khảo sát theo khóa học



Bảng 1. Phản hồi về Thông tin môn học và tài liệu giảng dạy

Nội dung	ĐTB					ĐLC
	Chung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
GV giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết môn học	4,36	4,20	4,42	4,37	4,47	0,71
GV phổ biến mục tiêu, chuẩn đầu ra (CDR), nội dung và yêu cầu của môn học	4,36	4,20	4,43	4,38	4,44	0,65
GV phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập khi bắt đầu môn học	4,37	4,19	4,43	4,39	4,49	0,68
GV cung cấp/giới thiệu đầy đủ thông tin về tài liệu học tập (giáo trình/bài giảng, tài liệu tham khảo, trang web...)	4,36	4,19	4,43	4,38	4,45	0,68
Thời lượng (số tiết) dành cho môn học này phù hợp	4,34	4,18	4,43	4,31	4,38	0,67

Bảng 1 cho thấy điểm đánh giá TB của SV về Thông tin môn học và tài liệu giảng dạy là rất cao (trên mức 4,3 theo thang điểm 5). Trong đó, SV đánh giá cao nhất là “GV phổ biến hình thức kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá kết quả học tập khi bắt đầu môn học” ở SV năm 4 (ĐTB 4,49) và “Thời lượng (số tiết) dành cho môn học phù hợp” thì được đánh giá thấp nhất (ĐTB 4,18) ở SV năm 1.

Bảng 2. Phản hồi về Phương pháp giảng dạy của GV

Nội dung	ĐTB					ĐLC
	Chung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
GV tổ chức lớp học, hướng dẫn SV học tập hiệu quả	4,31	4,09	4,40	4,35	4,36	0,60
GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	4,31	4,09	4,41	4,32	4,40	0,62
GV phối hợp hiệu quả các phương pháp giảng dạy	4,31	4,11	4,41	4,33	4,36	0,62
GV áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực nhằm khuyến khích SV phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	4,34	4,14	4,41	4,37	4,36	0,60
GV có biện pháp khuyến khích SV sáng tạo và tư duy độc lập trong quá trình học tập	4,32	4,11	4,41	4,33	4,44	0,60
GV tiếp thu ý kiến đóng góp và phản hồi kịp thời các thắc mắc của SV	4,32	4,13	4,42	4,35	4,38	0,61
GV tạo hứng thú học tập cho SV trong giờ học	4,30	4,08	4,40	4,30	4,33	0,65

Bảng 2 cho thấy điểm đánh giá TB của SV về Phương pháp giảng dạy của GV là rất cao (trên mức 4,3 theo thang điểm 5). Trong đó SV đánh giá cao nhất là “GV có biện pháp khuyến khích SV sáng tạo và tư duy độc lập trong quá trình học tập” ở SV năm 4 (ĐTB 4,44) và “GV tạo hứng thú học tập cho SV trong giờ học” thì được SV đánh giá thấp nhất (ĐTB 4,08) ở SV năm 1.

Bảng 3. Phản hồi về Nội dung giảng dạy

Nội dung	ĐTB					ĐLC
	Chung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
Nội dung giảng dạy bám sát đề cương chi tiết môn học	4,33	4,12	4,41	4,35	4,42	0,59
GV thường xuyên liên hệ giữa môn học và CTĐT	4,32	4,13	4,40	4,37	4,40	0,59
GV thường xuyên có sự liên hệ giữa lí thuyết và thực tiễn trong giảng dạy	4,35	4,13	4,41	4,42	4,47	0,60
GV cập nhật liên tục các nội dung và thông tin mới liên quan đến môn học	4,34	4,15	4,40	4,39	4,45	0,61
Nội dung giảng dạy vừa sức đối với SV	4,31	4,08	4,42	4,32	4,40	0,61
Nội dung giảng dạy thiết thực, hữu ích	4,34	4,12	4,41	4,39	4,44	0,59

Bảng 3 cho thấy điểm đánh giá TB của SV về Nội dung giảng dạy là rất cao (trên mức 4,3 theo thang điểm 5). Trong đó, SV đánh giá cao nhất là “GV thường xuyên có sự liên hệ giữa lí thuyết và thực tiễn trong giảng dạy” ở SV năm 4 (ĐTB 4,47) và “Nội dung giảng dạy vừa sức đối với SV” thì được SV đánh giá thấp nhất (ĐTB 4,08) ở SV năm 1.

Bảng 4. Phản hồi về Kiểm tra đánh giá

Nội dung	ĐTB					ĐLC
	Chung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
GV đưa ra hình thức và yêu cầu về kiểm tra đánh giá một cách rõ ràng	4,34	4,18	4,40	4,36	4,41	0,59
GV có đánh giá chuyên cần, quá trình và cuối khóa; tỉ trọng điểm phù hợp	4,35	4,18	4,41	4,36	4,44	0,59
GV nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng trong KTĐG	4,38	4,20	4,42	4,42	4,51	0,59
Phương pháp KTĐG phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu môn học	4,34	4,15	4,41	4,38	4,45	0,61
Nội dung KTĐG đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức môn học, năng lực giải quyết vấn đề	4,34	4,12	4,42	4,38	4,43	0,61
Nội dung KTĐG phản ánh đúng năng lực SV	4,33	4,14	4,42	4,35	4,39	0,61

Bảng 4 cho thấy điểm đánh giá TB của SV về Kiểm tra đánh giá là rất cao (trên mức 4,3 theo thang điểm 5). Trong đó, SV đánh giá cao nhất là “GV nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng trong KTĐG” ở SV năm 4 (ĐTB 4,51) và “Nội dung KTĐG đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức môn học, năng lực giải quyết vấn đề” thì được đánh giá thấp nhất (ĐTB 4,12) ở SV năm 1.

Bảng 5. Phản hồi về Tác phong sư phạm

Nội dung	ĐTB					ĐLC
	Chun g	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
GV lên lớp đúng giờ, dạy đủ tiết theo quy định	4,40	4,25	4,43	4,43	4,52	0,59
GV có kiến thức chuyên môn tốt	4,41	4,26	4,43	4,47	4,52	0,58
Công tác chuẩn bị nội dung, tài liệu, bài giảng của GV tốt	4,40	4,23	4,44	4,42	4,52	0,59
GV thể hiện tính chuẩn mực tác phong nhà giáo	4,40	4,22	4,44	4,42	4,56	0,59
GV nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy	4,40	4,23	4,43	4,40	4,55	0,60
GV tư vấn học tập cho SV ngoài giờ lên lớp (thông qua gặp gỡ hoặc email)	4,37	4,21	4,44	4,40	4,46	0,60

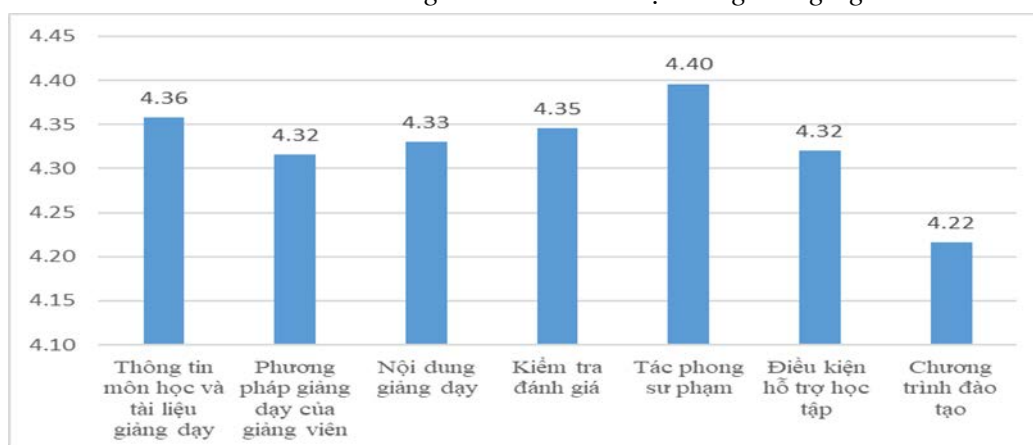
Bảng 5 cho thấy điểm đánh giá TB của SV về Tác phong sư phạm là rất cao (đã số trên mức 4,4 so với thang điểm 5). Trong đó, SV đánh giá cao nhất là “GV thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo” ở SV năm 4 (ĐTB 4,56) và “GV tư vấn học tập cho SV ngoài giờ lên lớp (thông qua gặp gỡ hoặc email)” thì được SV đánh giá thấp nhất (ĐTB 4,21) ở SV năm 1.

Bảng 6. Phản hồi về Điều kiện hỗ trợ học tập và CTĐT

Nội dung	ĐTB					ĐLC
	Chung	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
SV được phổ biến đầy đủ về mục tiêu, CDR CTĐT	4,31	4,15	4,40	4,25	4,39	0,58
SV được cung cấp/phổ biến đầy đủ về các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường	4,33	4,18	4,42	4,29	4,39	0,53
CTĐT mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV	4,14	3,79	4,35	4,17	4,17	0,63
Tỉ lệ phân bố giữa lí thuyết và thực hành hợp lí	4,26	4,03	4,38	4,29	4,31	0,57
CDR đáp ứng đúng về kiến thức, kĩ năng và thái độ với sự mong đợi của người học	4,25	4,06	4,38	4,21	4,28	0,54

Bảng 6 cho thấy điểm đánh giá TB của SV về Điều kiện hỗ trợ học tập và CTĐT là rất cao (trên mức 4,1 so với thang điểm 5). Trong đó, SV đánh giá cao nhất là “SV được cung cấp/phổ biến đầy đủ về các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường” ở SV năm 2 (ĐTB là 4,42) và “CTĐT mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV” thì được SV đánh giá thấp nhất (ĐTB 3,79) ở SV năm 1.

Biểu đồ 2. Phản hồi chung của SV về các nội dung trong nghiên cứu



Biểu đồ 2 cho thấy điểm đánh giá TB của SV với cả 7 nội dung khảo sát là rất cao (trên mức 4,2 so với thang điểm 5). Trong đó, “Tác phong sư phạm” là nội dung được SV đánh giá cao nhất (ĐTB 4,40) và “Chương trình đào tạo” được đánh giá thấp nhất (ĐTB 4,22).

2.4. Thảo luận

Kết quả phân tích thống kê cho thấy các giá trị TB của từng biến số đều lớn hơn 4 (trên thang đo 5), dao động từ 4,14 đến 4,41. Đối với từng biến số, điều này có ý nghĩa khác nhau, tuy nhiên có thể thấy điểm đánh giá TB của SV đối với từng thành phần của CLĐT ngành Xét nghiệm ở Trường ĐHYK PNT là rất cao. Hầu hết các ĐLC đều nhỏ hơn 0,7 (ĐLC từ 0,53 đến 0,71), cho thấy sự biến thiên khá nhỏ, hầu hết SV tham gia khảo sát có quan điểm tương đồng về vấn đề được hỏi (CLĐT). Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cao hơn kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Liên (2016) tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, có các giá trị trung bình nằm trong khoảng từ 3 đến 4 (trên thang đo 5), ĐLC nhỏ hơn 1,2.

Khi phân tích trên tất cả các đối tượng SV ngành Xét nghiệm, SV đánh giá cao nhất là nội dung “Tác phong sư phạm” đặc biệt là “GV có kiến thức chuyên môn tốt” (ĐTB 4,41; ĐLC 0,58). Kết quả này tương đồng về nội dung nghiên cứu của tác giả Nguyễn Bích Như (2022) tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng là phẩm chất, năng lực của GV được SV đánh giá hài lòng cao nhất; nhưng trong nghiên cứu của chúng tôi, SV đánh giá với ĐTB cao hơn (4,41 ± 0,58) so với (3,37 ± 0,54). Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Vân Phương và cộng sự (2022) tại Trường ĐHYK PNT là việc GV trả lời các thắc mắc liên quan đến chuyên môn được SV khời cử nhân đánh giá hài lòng rất cao

(75,9%). Trong khi đó, SV đánh giá thấp nhất là “CTĐT” đặc biệt là “CTĐT mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV” (ĐTB 4,14; ĐLC 0,63) và đều là nội dung được đánh giá điểm thấp nhất ở tất cả các đối tượng SV khảo sát ở SV năm 1, năm 2, năm 3, năm 4 với ĐTB lần lượt là 3,79, 4,35, 4,17 và 4,17 nên đây là một trong những nội dung đầu tiên cần được Trường rà soát, ưu tiên xem xét cải thiện cho phù hợp hơn.

Khi so sánh SV lớp CNXNYH ở các năm học với nhau, các chỉ số cho thấy SV năm 1 luôn đánh giá điểm thấp nhất ở tất cả các thành phần của CLĐT. Nội dung được đánh giá cao nhất là “GV có kiến thức chuyên môn tốt” có ĐTB là 4,26. Như đã trình bày ở trên, nội dung được SV năm 1 đánh giá thấp nhất là “CTĐT mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV” có ĐTB 3,79, là ĐTB duy nhất dưới 4 trong nghiên cứu này. Các đáp viên ở đối tượng CNXNYH năm 2 đánh giá đa số các thành phần của CLĐT đều lớn hơn 4,4. Các nội dung được đánh giá cao nhất thuộc Tác phong sư phạm, bao gồm: “Công tác chuẩn bị nội dung, tài liệu, bài giảng của GV tốt”, “GV thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo”, “GV tư vấn học tập cho SV ngoài giờ lên lớp (thông qua gặp gỡ hoặc email)” có ĐTB đều là 4,44. Các đáp viên ở đối tượng CNXNYH năm 3 đánh giá cao nhất nội dung “GV có kiến thức chuyên môn tốt” với ĐTB là 4,47. Các đáp viên ở đối tượng CNXNYH năm 4 đánh giá cao nhất nội dung “GV thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo” với ĐTB là 4,56, cũng là ĐTB cao nhất trong nghiên cứu này.

Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện trên 141 SV học ngành Xét nghiệm tại ĐHYK PNT, tỉ lệ SV năm 1, năm 2, năm 3, năm 4 lần lượt là 24%, 34%, 17% và 25%. Tuy nhiên, cỡ mẫu nghiên cứu còn hạn chế, trong tương lai, nhóm tác giả sẽ cần cải tiến triển khai với mẫu khảo sát lớn hơn cũng như phân tích xu hướng thay đổi về phản hồi của SV theo thời gian.

3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy điểm đánh giá trung bình của SV ngành Xét nghiệm về CLĐT của Trường ĐHYK PNT đều cao, dao động từ 4,14 đến 4,41 (ĐLC từ 0,53 đến 0,71). Nội dung “Tác phong sư phạm” đặc biệt là “GV có kiến thức chuyên môn tốt” được đánh giá cao nhất (ĐTB 4,41; ĐLC 0,58). Trong khi đó nội dung “CTĐT” đặc biệt là “CTĐT mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV” bị đánh giá thấp nhất (ĐTB 4,14; ĐLC 0,63).

SV các năm đánh giá CLĐT có tính tương đồng với nhau, trong đó SV năm 1 luôn đánh giá điểm thấp nhất ở tất cả các thành phần của CLĐT. Nội dung “CTĐT mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV” bị SV đánh giá thấp điểm nhất ở tất cả các năm, với ĐTB ở SV năm 1, năm 2, năm 3, năm 4 lần lượt là 3,79, 4,35, 4,17 và 4,17. Ngoài ra, tất cả các nội dung được SV đánh giá cao đều trong nội dung “Tác phong sư phạm”. Đối với SV năm 1 và 3, nội dung “GV có kiến thức chuyên môn tốt” được đánh giá cao nhất có ĐTB lần lượt là 4,26 và 4,47. Với SV năm 2, các nội dung được đánh giá cao nhất bao gồm: “Công tác chuẩn bị nội dung, tài liệu, bài giảng của GV tốt”, “GV thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo”, “GV tư vấn học tập cho SV ngoài giờ lên lớp (thông qua gặp gỡ hoặc email)” có ĐTB

đều là 4,44. Còn đối tượng SV năm 4 đánh giá cao nhất nội dung “GV thể hiện tính chuẩn mực của tác phong nhà giáo” với ĐTB là 4,56, cũng là ĐTB cao nhất trong nghiên cứu này.

Kết quả nghiên cứu này góp phần bổ sung minh chứng trong công tác kiểm định CLĐT, là cơ sở thực tiễn giúp Trường nắm thực trạng về CLĐT của Trường; qua đó, Trường sẽ có kế hoạch đề xuất các biện pháp điều chỉnh thích hợp, từ đó nâng cao CLĐT, đáp ứng nhu cầu chất lượng học tập ngày càng cao của SV theo học tại Trường.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Buss, T. D. (1976). Student evaluation for curriculum and teacher development. *The Vocational Aspect of Education*, 28(69), 19-23. <http://doi.org/10.1080/10408347308000591>
- Dau, T. T., Nguyen, T. B. H., & Nguyen, T. H. M. (2020). Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học ở các trường đại học và cao đẳng hiện nay [The work of collecting student feedback in universities and colleges today]. *Journal of Ethnic Minorities Research*, 9(4), 47-53. <http://doi.org/10.25073/0866-773X/444>
- Ministry of Education and Training. (2010). *Hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên* [Guide to get feedback from learners on the teacher's teaching activities].
- Nguyen, B. N. (2022). Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng [Research on student satisfaction with teaching activities of Soc Trang Community College lecturers]. *Dong Nai University Journal of Science*, (22), 1-10.
- Nguyen, N. V. P., Le, H. T. M., Nguyen, T. A. & Vu, N. T. V. (2022). Sự hài lòng của sinh viên khối cử nhân về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2011 [Satisfaction of bachelor's students about the quality of training services at Phạm Ngọc Thạch Medical University in 2021]. *HCMCOUJS – Social Sciences*, 17(1), 86-99. <http://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.17.1.2068.2022>
- Pham, T. L. (2016). Chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của người học Trường hợp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội [Training service quality and student satisfaction The case of University of Economics, Vietnam National University, Hanoi]. *VNU Journal of Science*, 32(4), 81-89.
- Vuong, T. P. T. (2019). Tác động của ý kiến phản hồi của sinh viên đến quản lý đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội [The impact of student feedback on higher education management at Vietnam National University, Hanoi]. *IEQA – Dissertations*.

**QUALITY OF MEDICAL LABORATORY TECHNOLOGY
PROGRAM OF PHAM NGOC THACH UNIVERSITY OF MEDICINE:
STUDENTS' PERSPECTIVES**

*Trinh Thi Ngoc Ai**, *Tran Huu Tam*, *Nguyen Thi Ngoc Lam*, *Dinh Duc Triet*

Pham Ngoc Thach University of Medicine, Vietnam

**Corresponding author: Trinh Thi Ngoc Ai – Email: trinhthingocai@gmail.com*

Received: May 18, 2023; Revised: July 08, 2023; Accepted: July 09, 2024

ABSTRACT

Collecting student feedback on teaching activities and service quality is a crucial process that enables Pham Ngoc Thach University of Medicine to obtain a comprehensive and objective assessment of its educational practices. This feedback is instrumental in continuously refining and enhancing the quality of training. The research was carried out based on a set of criteria proposed by the researchers, including course information and materials, methods, content, assessment, learning support conditions, and curriculum. Utilizing a quantitative research methodology, this study employed convenience sampling and a structured questionnaire to survey 141 students majoring in Medical Laboratory Technology. The findings indicate that students rated both the instructional activities and the service quality of the university highly. The highest ratings were attributed to the "pedagogical style" of instructors, particularly their "strong professional knowledge." Conversely, the "curriculum," specifically its "flexibility in accommodating students' needs," received comparatively lower ratings. Furthermore, the analysis revealed consistent evaluation patterns across all academic years, with first-year students generally assigning lower ratings to all components of training quality compared to their senior counterparts.

Keywords: medical laboratory technology; Pham Ngoc Thach University of Medicine; training quality